

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/DS-ST

Ngày 07 tháng 9 năm 2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Thanh Hoàng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mười.

2. Ông Trần Hữu Nghị.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngân, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: 02 L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế T - Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh E - Bắc Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đặng Quốc D- Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N - Chi nhánh E - Bắc Đắk Lắk - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Chu Văn T - có mặt, Bà Nguyễn Thị L - có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Chu Văn H - vắng mặt, anh Chu Văn S - vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2021, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Đặng Quốc D trình bày:*

Vào ngày 14/12/2018, Ngân hàng N có cho ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), theo hợp đồng tín dụng số 5227LAV201802797, thời hạn vay 12 tháng, mức lãi suất trong hạn 10,5%/năm, nếu quá hạn phải chịu mức lãi suất bằng 150% so với mức lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm, mục đích vay về để chăm sóc cà phê, hồ tiêu, mua sắm vật dụng sinh hoạt.

Để đảm bảo cho việc vay nợ trên hộ ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L đã ký hợp đồng thế chấp số 241208003/HĐTC ngày 12/12/2018 thế chấp cho Ngân hàng N 19.524 m² đất ở và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 78 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 735201 ngày 15/10/2009 mang tên hộ ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L.

Ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L đã trả được cho Ngân hàng N số tiền lãi phát sinh từ ngày 14/12/2018 đến ngày 18/12/2019 là 31.931.507 đồng. Khoản vay trên đã quá hạn từ ngày 13/12/2019 đến nay. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L phải trả nợ nhưng ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L không thực hiện. Do đó, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng N số tiền 395.659.619 đồng (Ba trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm mười chín nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc 300.000.000 đồng, lãi suất phát sinh trong hạn 54.197.260 đồng, lãi suất quá hạn 27.400.685 đồng, lãi chậm trả lãi 14.061.674 đồng.

Yêu cầu ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả hết nợ gốc cho Ngân hàng N.

Trường hợp Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa trình bày:*

Ngày 14/12/2018, ông Chu Văn T và bà Nguyễn Thị L có ký hợp đồng tín dụng số 5227LAV201802797 để vay vốn tại Ngân hàng N. Theo đó, ông Chu Văn T và bà Nguyễn Thị L vay của Ngân hàng N số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 10,5%/năm, lãi suất quá hạn phải chịu mức lãi suất bằng 150% so với mức lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm, mục đích vay về để chăm sóc cà phê, hồ tiêu, mua sắm vật dụng sinh hoạt, thời hạn trả nợ vào ngày 12/12/2019. Các con chung của ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L là Chu Văn H, Chu Văn S có ký văn bản ủy quyền cho ông Chu Văn T và bà Nguyễn Thị L làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng.

Khoản vay nói trên được bảo đảm bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 241208003/HĐTC ngày 12/12/2018 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tài sản bảo đảm là diện tích đất 19.524 m² đất trồng cây lâu năm và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1, tờ bản đồ số 78, tại thôn 9a, xã E, huyện E, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận số AO735201 do UBND huyện E, tỉnh Đ cấp ngày 15/10/2009 mang tên hộ ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L.

Ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L mới chỉ trả được số tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng từ ngày 14/12/2018 đến ngày 18/12/2019 là 31.931.507 đồng. Ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L đồng ý trả số nợ gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) cùng lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên. Tuy nhiên, Ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng nên đề nghị Ngân hàng cho Ông Chu Văn Tường, bà Nguyễn Thị L được trả nợ trong thời gian 05 năm, mỗi năm 60.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh. Ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L đồng ý giao tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng xử lý trong trường hợp không trả được nợ hoặc trả không đủ tiền cho Ngân hàng N.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Đặng Quốc D đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Chu Văn H, anh Chu Văn S theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Chu Văn H, anh Chu Văn S vẫn vắng mặt không có lý do là không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo

quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Chu Văn H, anh Chu Văn S để tham gia tố tụng nhưng anh Chu Văn H, anh Chu Văn S vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Chu Văn H, anh Chu Văn S.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về số tiền vay và nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 5227LAV201802797 ngày 14/12/2018, do hai bên đã ký kết với nhau thì đã có căn cứ khẳng định: Vào ngày 14/12/2018, ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L có vay của Ngân hàng Nô số tiền gốc 300.000.000 đồng, mức lãi suất trong hạn 10,5%/năm, nếu quá hạn phải chịu lãi suất bằng 150% so với mức lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm.

Ông Chu Văn T có ký hợp đồng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L để vay vốn tại ngân hàng. Đây là nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, bên cạnh đó mục đích vay vốn tại Ngân hàng về để để chăm sóc cây cà phê, hồ tiêu, cây nông nghiệp, mua sắm vật dụng sinh hoạt nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Theo sự thỏa thuận của các bên thì Ngân hàng có quyền thu hồi nợ nếu người vay vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khoản nợ gốc và lãi vi phạm được chuyển sang nợ quá hạn. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ đối với số tiền gốc 300.000.000 đồng nhưng ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L không trả được gốc cùng lãi phát sinh đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc Chu Văn Tường, bà Nguyễn Thị L phải trả nợ cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (07/9/2021) là: Tiền gốc 300.000.000 đồng, lãi suất phát sinh trong hạn 54.197.260 đồng, lãi suất quá hạn 27.400.685 đồng, lãi chậm trả lãi 14.061.674 đồng. Tổng cộng là 395.659.619 đồng (Ba trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm mười chín nghìn đồng).

Đồng thời, buộc ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L còn phải chịu lãi suất phát sinh tính từ ngày 08/6/2021 cho đến khi Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L trả hết số nợ cho Ngân hàng Nô theo mức lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng số 5227LAV201802797 ngày 14/12/2018.

[3.2] Về xử lý tài sản thế chấp: Căn cứ vào hợp đồng thế chấp số 241208003/HĐTC ngày 12/12/2018 xác định được ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L cùng các thành viên trong hộ gia đình có thế chấp cho Ngân hàng N

diện tích đất 19.524 m² đất trồng cây lâu năm và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1, tờ bản đồ số 78, tại thôn 9a, xã E, huyện E, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận số AO735201 do UBND huyện E, tỉnh Đ cấp ngày 15/10/2009 mang tên hộ ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L.

Căn cứ vào hợp đồng ủy quyền đã ký giữa anh Chu Văn H, anh Chu Văn S với bà Nguyễn Thị L thể hiện ý chí của anh H, anh S đồng ý để cho bà L ký các thủ tục vay vốn tại Ngân hàng và đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cần xử lý các tài sản của hộ ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L để thu hồi nợ trong trường hợp ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L không trả nợ hoặc không trả đủ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% x 395.659.619 đồng = 19.783.000 đồng (Mười chín triệu bảy trăm tám mươi ba triệu đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền 395.659.619 đồng (Ba trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm mười chín nghìn đồng), trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng, lãi suất phát sinh tính đến ngày 07/9/2021 là 95.659.619 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/9/2021) cho đến khi thi hành án xong, ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5227LAV201802797 ngày 14/12/2018.

Sau khi ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L trả hết nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại cho ông Chu Văn Tường, bà Nguyễn Thị L giấy chứng nhận số AO735201 do UBND huyện E, tỉnh Đ cấp ngày 15/10/2009 mang tên hộ ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L.

Trường hợp ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L không trả hoặc trả không hết nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản mà Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L,

anh chu Văn H, anh Chu Văn S đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 241208003/HĐTC ngày 12/12/2018 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Chu Văn T, bà Nguyễn Thị L phải chịu 19.783.000 đồng (Mười chín triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền 8.799.000 đồng (Tám triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2019/0015278 ngày 08/02/2021.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Tạ Thanh Hoàng

